

Bản án số: 29/2020/HNGĐ - ST

Ngày 11/9/2020

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Sáu.

2. Bà Trương Thị Thu.

*Thư ký Tòa án:* Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:* Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST - HNGĐ ngày 26/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn BC, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai lập ngày 17/6/2020 và tại các phiên họp hòa giải ngày 06/7/2020 và ngày 21/7/2020, nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Chị Hà Thị N và anh Hà Văn H qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2016 ngày 09/8/2016, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn TĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, anh H đi làm ăn xa ít có thời gian quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến hai vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, giữa hai vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, chị N và anh H đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Chị Hà

Thị N xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung là Hà Anh T, sinh ngày 15/9/2016, hiện cháu T ở cùng chị N, chị N có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, bị đơn anh Hà Văn H đều không có mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh H không có mặt cũng không có văn bản thể hiện quan điểm về vụ án gửi tới Tòa án. Do anh H vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập các Biên bản kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ, Biên bản không tiến hành hòa giải được, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và giữ nguyên quan điểm đề nghị như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị N, cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Hà Văn H; về con chung: Giao cháu Hà Anh T, sinh ngày 15/9/2016 cho chị Hà Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hà Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 của bộ luật tố tụng dân sự. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn H, giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; anh Hà Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn BC, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Văn H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để xác định về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay của anh Hà Văn H, cụ thể: Tại Biên bản xác minh lập ngày 27/7/2020 đối với ông Hứa Viết Tường - Phó trưởng Công an xã Yên Lập xác định anh Hà Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn BC, xã YL, huyện Chiêm Hóa nhưng bản thân anh H đi làm xa và không rõ địa chỉ cư trú hiện nay của anh H. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập phiên tòa lần 01; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập phiên tòa lần 02. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị N và anh Hà Văn H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 09/8/2016. Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2020 đối với ông Hà Văn D (bố đẻ của chị N) và biên bản ghi lời khai ngày 27/7/2020 đối với bà Hoàng Thị N (mẹ của anh H) xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh H phát sinh từ cuối năm 2018, nguyên nhân: Do tính cách không hòa hợp và vợ chồng thiếu sự tin tưởng chia sẻ với nhau, thường xuyên nghi ngờ ghen tuông dẫn tới cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. HĐXX xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H là thực tế và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Hà Anh T, sinh ngày 15/9/2016, cháu T ở cùng chị N từ khi hai vợ chồng ly thân, chị N yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. HĐXX căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Hà Anh T cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung từ anh H. Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227,

228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N. Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Anh T, sinh ngày 15/9/2016 cho chị Hà Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hà Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0002754 ngày 04/6/2020 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị Hà Thị N đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã HP, h. Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- UBND xã YL, h. Chiêm Hóa (biết);
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Hạnh Quỳnh**